

KẾ HOẠCH

Thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh giai đoạn 2019-2021, mục tiêu đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XII) về việc: “Tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập”;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ về việc: “Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập”; Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ về việc: “Quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học công nghệ công lập”; Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về việc: “Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác”;

Căn cứ Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 21/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về “Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ”; Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính về việc: “Hướng dẫn cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ đơn của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác”;

Căn cứ Kế hoạch số 102-KH/TU ngày 23/7/2018 của Tỉnh ủy Thanh Hóa về việc: “Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập”;

Căn cứ Kế hoạch số 165/KH-UBND ngày 12/9/2018 về việc: “Thực hiện Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ và Kế hoạch số 102-KH/TU ngày 23/7/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thanh Hóa thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập”;

Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa ban hành kế hoạch tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh giai đoạn 2019-2021, mục tiêu đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, như sau:

A) MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

I. Mục đích

1. Đổi mới căn bản, toàn diện và đồng bộ hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm tinh gọn, có cơ cấu hợp lý, có năng lực tự chủ, hoạt động hiệu quả. Giảm mạnh đầu mối, khắc phục tình trạng manh mún, dàn trải và trùng lặp; tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, viên chức. Giảm mạnh tỷ trọng, nâng cao hiệu quả chi ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL) để cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước, cải cách tiền lương và nâng cao thu nhập cho cán bộ, viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập. Phát triển thị trường dịch vụ sự nghiệp công lập và thu hút mạnh mẽ các thành phần kinh tế tham gia phát triển dịch vụ sự nghiệp công.

2. Đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị SNCL, đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công nhằm từng bước đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

II. Yêu cầu

1. Tổ chức quán triệt sâu sắc và thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các Nghị quyết, chương trình hành động, kế hoạch của Đảng, Chính phủ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh về nội dung tự chủ các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh giai đoạn 2019-2021, mục tiêu đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

2. Các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh triển khai thực hiện kế hoạch tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh giai đoạn 2019-2021, mục tiêu đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

B) NỘI DUNG CỦA KẾ HOẠCH

I. MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Đến năm 2021

a) Tổng số đơn vị SNCL có 251 đơn vị, giảm 18 đơn vị so với năm 2017, trong đó:

- Đơn vị cổ phần hóa: 01 đơn vị.
- Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư: 01 đơn vị.
- Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên: 23 đơn vị.
- Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: 205 đơn vị.
- Đơn vị do NSNN bảo đảm chi thường xuyên: 21 đơn vị.

b) Kinh phí cấp trực tiếp từ ngân sách để chi trả lương, chế độ và hoạt động nghiệp vụ giảm 394.760,0 triệu đồng, tương ứng giảm 22,0% chi trực tiếp từ NSNN so với năm 2017.

2. Đến năm 2025: Tổng số đơn vị SNCL có 251 đơn vị, trong đó:

- Đơn vị cổ phần hóa: 02 đơn vị.
- Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư: 01 đơn vị.
- Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên: 49 đơn vị.
- Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: 185 đơn vị.
- Đơn vị do NSNN đảm bảo chi thường xuyên: 14 đơn vị.

II. NỘI DUNG VỀ TỰ CHỦ

Thực hiện theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về việc: “Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập”; Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ về việc: “Quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học công nghệ công lập”; Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về việc: “Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác”; Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính về việc: “Hướng dẫn cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ đơn của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác” và các văn bản về hướng dẫn cơ chế tự chủ có liên quan. Cụ thể như sau:

1. Tự chủ về thực hiện nhiệm vụ: Thực hiện theo Điều 5, Mục 1, Chương II, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ.

2. Tự chủ về tổ chức bộ máy: Thực hiện theo Điều 6, Mục 1, Chương II, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ.

3. Tự chủ về nhân sự: Thực hiện theo Điều 7, Mục 1, Chương II, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ.

4. Giá, phí dịch vụ sự nghiệp công

4.1. Giá, phí dịch vụ sự nghiệp công: Thực hiện theo Điều 9, Mục 2, Chương II, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ.

4.2. Lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước

a) Đến năm 2020: Tính đủ chi phí tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý và chi phí khấu hao tài sản cố định.

b) Căn cứ quy định về giá dịch vụ sự nghiệp công, khả năng cân đối ngân sách nhà nước và khả năng chi trả của người hưởng thụ, UBND tỉnh quy định lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền.

4.3. Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước

a) Căn cứ danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước của các Bộ, ngành Trung ương đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành,

đến năm 2018, UBND tỉnh đã ban hành danh mục sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo phân cấp thuộc phạm vi quản lý của địa phương thuộc lĩnh vực Y tế - Dân số và lĩnh vực Lao động, Thương binh và Xã hội; Xây dựng; Khoa học và Công nghệ; Giáo dục đào tạo; Nông nghiệp và PTNT.

b) Các lĩnh vực khác gồm: Công Thương, Giao thông Vận tải, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thông tin và Truyền thông, Tư pháp, Tài nguyên và Môi trường đang tiếp tục ban hành.

5. Tự chủ về tài chính: Thực hiện theo Mục 3, Chương II, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ.

5.1. Tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư: Thực hiện theo Điều 12, Mục 3, Chương II, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ.

5.2. Tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên: Thực hiện theo Điều 13, Mục 3, Chương II, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ.

5.3. Tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: Thực hiện theo Điều 14, Mục 3, Chương II, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ.

5.4. Tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: Thực hiện theo Điều 15, Mục 3 Chương II Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

5.5. Các đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác, các đơn vị sự nghiệp khoa học ngoài thực hiện theo điểm 5.1, 5.2, 5.3, 5.4 mục này còn thực hiện theo các Văn bản: Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016; Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016; Thông tư số 90/2017/TT-BTC ngày 30/8/2017 và Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017.

6. Về quản lý tài sản: Việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo các quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

- Quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về đầu tư công, pháp luật về xây dựng, Luật Quản lý sử dụng tài sản công: Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ về việc: “Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công”; Thông tư số 144/2017 ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính về việc: “Hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công”; Quyết định số 50/2017/QĐ-

TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc: “Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị”.

- Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ và các quy định hiện hành của nhà nước.

- Nghị quyết số 111/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc: “Phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa”.

7. Về hoạt động liên doanh, liên kết: Thực hiện theo quy định tại Điều 58 Luật quản lý sử dụng tài sản công và các quy định hiện hành của nhà nước.

III. TỰ CHỦ THEO CÁC LĨNH VỰC CỤ THỂ

1. Sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác

1.1. Mục tiêu đến năm 2021

a) Đến năm 2021 có 54 đơn vị SNCL (giảm 05 đơn vị), trong đó:

- Đơn vị cổ phần hóa: 01 đơn vị.
- Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên: 13 đơn vị.
- Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: 30 đơn vị.
- Đơn vị do NSNN bảo đảm chi thường xuyên: 10 đơn vị.

b) Giảm kinh phí chi thường xuyên 31.074,0 triệu đồng, tương ứng giảm 19,0% so với năm 2017.

c) Lộ trình 13 đơn vị SNCL tự đảm bảo kinh phí chi thường xuyên:

- Đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên từ năm 2017: Trung tâm Kiểm định chất lượng công trình xây dựng; Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật phát thanh và truyền hình.

- Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên năm 2019: Đoàn Đo đạc bản đồ và quy hoạch;

- Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên vào năm 2020: Viện quy hoạch - Kiến trúc; Trung tâm Quan trắc và Bảo vệ môi trường; Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn; Nhà khách Văn phòng UBND tỉnh Thanh Hóa (25B).

Năm 2019 bảo đảm 50,0% chi thường xuyên theo định mức từ ngân sách nhà nước và hoàn thành mục tiêu tự đảm bảo toàn bộ kinh phí chi thường xuyên vào năm 2020.

- Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên vào năm 2021: Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; Đoàn Mỏ địa chất; Trung tâm Phát triển quỹ đất; Viện Nông nghiệp Thanh Hóa; Văn phòng Đăng ký đất đai; Đoàn Quy hoạch thiết kế thủy lợi.

+ Năm 2019 giảm 20,0% chi thường xuyên theo định mức từ NSNN theo định mức số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao. Năm 2020 giảm, 50,0% chi thường xuyên từ NSNN theo định mức số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao và đến năm 2021 sẽ tự đảm bảo toàn bộ kinh phí chi thường xuyên theo định mức.

+ Riêng Viện Quy hoạch Nông nghiệp Thanh Hóa mới được Quyết định thành lập, dự toán năm 2019 được thành lập trên cơ sở hợp nhất 06 đơn vị của ngành nông nghiệp và 01 đơn vị của ngành Khoa học và Công nghệ. Sau một năm hoạt động sẽ đánh giá lại kết quả thực hiện nếu hiệu quả tự chủ cao sẽ giảm 50,0% kinh phí chi thường xuyên từ NSNN vào năm 2020 theo định mức số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao và chuyển thành đơn vị tự đảm bảo toàn bộ chi phí thường xuyên năm 2021.

+ Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất có Đề án thành lập Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hóa. Do đặc thù là hợp nhất giữa Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp tỉnh và Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện. Dự kiến năm 2019 tự chủ kinh phí hoạt động thường xuyên 50,0%, năm 2020 tự chủ kinh phí hoạt động thường xuyên 80,0%.

Phần kinh phí giảm hỗ trợ từ NSNN theo định mức phân bổ ngân sách (tại Quyết định số 4762/2016/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa) cho số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao được đơn vị bố trí bù đắp từ nguồn thu hoạt động dịch vụ.

Theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 3 và Điều 18, Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính: “Trường hợp danh mục dịch vụ sự nghiệp công chưa có định mức kinh tế - kỹ thuật và đơn giá, thực hiện giao nhiệm vụ cho đơn vị theo dự toán được phê duyệt như nguồn kinh phí chi nhiệm vụ không thường xuyên. Đơn vị lập dự toán kinh phí theo số lượng, khối lượng và dự toán chi theo chế độ quy định hiện hành”. Vì vậy, trong khi chưa ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật và đơn giá dịch vụ và đơn giá dịch vụ sự nghiệp công của các đơn vị, tiếp tục giao dự toán từ NSNN cho các đơn vị theo số biên chế được giao hàng năm để đảm bảo một phần chi thường xuyên (Theo định mức phân bổ tại Quyết định số 4762/2016/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa).

1.2. Mục tiêu đến năm 2025

a) Có thêm 05 đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên, gồm: Phòng Công chứng số 1; Phòng Công chứng số 2; Phòng Công chứng số 3; Trung tâm Kiểm nghiệm chứng nhận chất lượng nông lâm thủy sản; Trung tâm Bán đấu giá tài sản.

b) Có thêm 01 đơn vị thực hiện cổ phần hóa: Nhà khách Văn phòng UBND tỉnh.

c) Giảm bình quân 10,0% chi trực tiếp từ NSNN cho đơn vị SNCL so với giai đoạn 2017 - 2021.

2. Sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề

2.1. Giáo dục trung học phổ thông

2.1.1. Mục tiêu đến năm 2021

a) Đến năm 2021 có 98 đơn vị SNCL (giảm 05 đơn vị); trong đó:

- Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: 91 đơn vị.

- Đơn vị do NSNN bảo đảm chi thường xuyên: 07 đơn vị.

b) Giảm kinh phí chi thường xuyên 55.496,0 triệu đồng, tương ứng giảm 7,0% so với năm 2017.

2.1.2. Mục tiêu đến năm 2025: Phấn đấu có thêm 05 trường tự bảo đảm một phần chi thường xuyên.

2.2. Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề

2.2.1. Mục tiêu đến năm 2021

a) Đến năm 2021 có 16 đơn vị SNCL (giảm 1 đơn vị); trong đó:

- Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư: 01 đơn vị.

- Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên: 01 đơn vị.

- Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: 14 đơn vị.

b) Giảm kinh phí chi thường xuyên 106.586,0 triệu đồng, tương ứng giảm 43,0% so với năm 2017.

2.2.2 Mục tiêu đến năm 2025: Phấn đấu có thêm 04 đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên: Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Trường Cao đẳng Y tế; Trường Cao đẳng Nghề công nghiệp và Trường Cao đẳng Nghề Nghi Sơn.

3. Sự nghiệp y tế

3.1. Mục tiêu đến năm 2021

a) Đến năm có 69 đơn vị SNCL (giảm 04 đơn vị) trong đó:

- Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên: 09 đơn vị.

- Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: 57 đơn vị.

- Đơn vị do NSNN bảo đảm chi thường xuyên: 03 đơn vị.

b) Giảm 04 đơn vị do Sáp nhập 05 Trung tâm tuyến tỉnh (Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản; Trung tâm Phòng chống sốt rét KST; Trung tâm Truyền thông giáo dục sức khỏe; Trung tâm Phòng chống HIV; Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh) thành Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa vào năm 2019.

c) Giảm kinh phí chi thường xuyên 194.870,0 triệu đồng, tương ứng giảm 34,0% so với năm 2017.

d) Lộ trình 09 đơn vị SNCL tự bảo đảm chi thường xuyên khi nhà nước đảm bảo lộ trình tính đúng, tính đủ chi phí cấu thành giá dịch vụ y tế.

- Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên vào năm 2020: Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện Nhi, Bệnh viện Phụ sản.

- Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên vào năm 2021: Bệnh viện Mắt, Bệnh viện Nội tiết, Bệnh viện Y dược cổ truyền, Bệnh viện Phục hồi chức năng, Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc, Bệnh viện Đa khoa khu vực Tĩnh Gia.

** Đề án thực hiện cơ chế tự chủ của các Bệnh viện công lập tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2018 - 2020 được Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt tại Quyết định số 2782/QĐ-UBND ngày 23/7/2018.*

3.2 Mục tiêu đến năm 2025: Phân đầu đến năm 2025, các Bệnh viện tự bảo đảm chi thường xuyên (trừ các bệnh viện xã hội và các Bệnh viện thuộc huyện nghèo 30a).

4. Sự nghiệp văn hóa, thể thao và du lịch

4.1. Mục tiêu đến năm 2021

a) Đến năm 2021, có 12 đơn vị SNCL (giảm 02 đơn vị), trong đó:

- Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: 11 đơn vị.

- Đơn vị do NSNN bảo đảm chi thường xuyên: 01 đơn vị.

b) Giảm kinh phí chi thường xuyên 5.070,0 triệu đồng, tương ứng giảm 10,0% so với năm 2017.

4.2. Mục tiêu đến năm 2025: Tiếp tục rà soát, nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị SNCL thuộc lĩnh vực văn hóa, nâng cao tự chủ chi thường xuyên, giảm dần hỗ trợ NSNN cho lĩnh vực này.

5. Lĩnh vực khoa học và công nghệ

5.1. Mục tiêu đến năm 2021

a) Đến năm 2021, có 02 đơn vị SNCL (giảm 01 đơn vị), trong đó:

- Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: 02 đơn vị.

b) Giảm kinh phí chi thường xuyên 1.422,0 triệu đồng, tương ứng giảm 58,0% so với năm 2017.

** Năm 2019: Sáp nhập Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển công nghệ sinh học do sát nhập vào Viện Nông nghiệp Thanh Hóa.*

5.2. Giai đoạn đến năm 2025: Giữ nguyên loại hình đơn vị SNCL tự đảm bảo một phần chi thường xuyên

(Có các phụ lục chi tiết kèm theo).

IV. MỘT SỐ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Công tác thông tin tuyên truyền: Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng để tạo nhận thức và trách nhiệm cho các cấp, các ngành, cho cán bộ, công chức, viên chức và để tạo sự đồng thuận khi tổ chức triển khai thực hiện, đảm bảo tính công khai, dân chủ, minh bạch, công bằng, đúng pháp luật. Đồng thời chuẩn bị tốt các điều kiện để thực hiện, phân rõ trách nhiệm cho từng cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp theo hướng đẩy mạnh giao quyền tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp công lập. Đồng thời tiến hành xã hội hóa một số lĩnh vực, nhiệm vụ công.

3. Đẩy mạnh cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường, thúc đẩy xã hội hoá dịch vụ sự nghiệp công. Hoàn thành lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công (tính đủ tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý và khấu hao tài sản) đối với các dịch vụ đã được Trung ương ban hành định mức kinh tế kỹ thuật;

a) Triển khai việc giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công từ nguồn kinh phí chi thường xuyên ngay khi Chính phủ ban hành nghị định và các văn bản hướng dẫn.

b) Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng mức thu để thực hiện từ năm 2020 theo hướng cân đối thu chi theo lộ trình đặt ra; tiến tới tính sẽ đặt hàng đối với học sinh sinh viên theo chuẩn đầu ra.

c) Đẩy mạnh việc chuyển đổi các đơn vị SNCL sang mô hình tự chủ hoàn toàn cả về chi đầu tư, chi thường xuyên, thực hiện quản lý, kế toán theo mô hình doanh nghiệp. Các đơn vị được nhà nước giao vốn, tài sản để thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, từng bước tính đủ chi phí đầu vào (kể cả khấu hao) để xác định giá dịch vụ. Các đơn vị đã bảo đảm chi đầu tư và chi thường xuyên được quyền quyết định số lượng người làm việc, tiền lương theo kết quả hoạt động, được nhà nước hỗ trợ về thuế, phí để tăng cường năng lực tài chính và khả năng tự cân đối.

4. Hoàn thiện cơ chế tài chính.

a) Các sở ban ngành khẩn trương trình ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN thuộc các lĩnh vực trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá của trung ương phê duyệt, đề xuất ban hành đơn giá dịch vụ sự nghiệp công thuộc thẩm quyền của địa phương; phối hợp với Sở Tài chính rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách tạo điều kiện đẩy mạnh cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường và thúc đẩy xã hội hoá trong việc cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công

b) Đổi mới cơ chế phân bổ nguồn lực, quản lý, cấp phát NSNN, trong đó: NSNN bảo đảm đầu tư cho các dịch vụ công cơ bản, thiết yếu và đối với các đơn vị SNCL ở các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc ít người.

c) Kinh phí tiết kiệm do sáp nhập, giải thể, thực hiện lộ trình cơ cấu lại giá dịch vụ công thuộc lĩnh vực nào được dành cho lĩnh vực đó quản lý, sử dụng, ưu tiên tăng cường cơ sở vật chất nhằm đạt mục tiêu kế hoạch tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập, mua bảo hiểm y tế cho các đối tượng,...

C) TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Căn cứ kế hoạch tự chủ các đơn vị SNCL cấp tỉnh giai đoạn 2017-2021, mục tiêu đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt:

1. Các Sở, ban, ngành căn cứ chức năng, thẩm quyền, nhiệm vụ được giao xây dựng kế hoạch cơ chế tự chủ để thực hiện, đảm bảo mục tiêu đề ra; đối với các cơ quan, đơn vị có thực hiện sắp xếp về tổ chức bộ máy sáp nhập, giải thể thì sẽ bổ sung vào kế hoạch;

2. Sở Tài chính: Căn cứ lộ trình về giá dịch vụ sự nghiệp công của các đơn vị sự nghiệp công lập và khả năng ngân sách hàng năm rà soát lại cơ cấu kinh phí, xác định phần NSNN hỗ trợ (các nội dung chưa kết cấu trong giá, phí dịch vụ sự nghiệp công) báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh để điều chỉnh giảm kinh phí theo lộ trình này.

Trên đây là Kế hoạch Tự chủ các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh giai đoạn 2019-2021, mục tiêu đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, yêu cầu các sở, ngành, đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính (để báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (để báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh (để thực hiện);
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công báo tỉnh Thanh Hóa;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: VT, KTTTC Thn 201925 (70).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH *chan*



Nguyễn Đình Xứng

Phụ lục 1:

KẾ HOẠCH TỰ CHỦ CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP CẤP TỈNH
 GIAI ĐOẠN 2019-2021, MỤC TIÊU ĐẾN 2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA

(Kèm theo Kế hoạch số 91 /KH-UBND ngày 09/4/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Số TT	Tên đơn vị	Năm 2017			Năm 2018			Năm 2019					Năm 2020					Năm 2021					Năm 2025					
		Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Cổ phần hóa	Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Cổ phần hóa	Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Cổ phần hóa	Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Cổ phần hóa	Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	
	Tổng số các đơn vị SNCL	269 đơn vị			266 đơn vị			251 đơn vị					251 đơn vị					251 đơn vị					251 đơn vị					
	Phân loại đơn vị sự nghiệp	4	201	64	4	204	58	1	1	3	225	21	1	1	10	218	21	1	1	23	205	21	2	1	49	185	14	
	Chi tiết như sau:																											
I	Sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác	59 đơn vị			59 đơn vị			54 đơn vị					54 đơn vị					54 đơn vị					54 đơn vị					
	Phân loại đơn vị	3	44	12	3	44	12	1	-	3	40	10	1	-	7	36	10	1	-	13	30	10	2	-	17	27	8	
II	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	120 đơn vị			119 đơn vị			114 đơn vị					114 đơn vị					114 đơn vị					114 đơn vị					
	Phân loại đơn vị	1	102	17	1	107	11	-	1	-	106	7	-	1	-	106	7	-	1	1	105	7		1	5	106	2	
II.1	Lĩnh vực đào tạo và dạy nghề	1	16		1	15			1		15			1		15			1	1	14			1	5	10		
II.2	Lĩnh vực giáo dục		86	17	-	92	11			91	7		-	-	-	91	7		-	-	-	91	7	###	-	-	96	2
III	Sự nghiệp y tế	73 đơn vị			73 đơn vị			69 đơn vị					69 đơn vị					69 đơn vị					69 đơn vị					
	Phân loại đơn vị		43	30		43	30			66	3			3	63	3			9	57	3			27	39	3		
IV	Sự nghiệp văn hóa TDTT	14 đơn vị			12 đơn vị			12 đơn vị					12 đơn vị					12 đơn vị					12 đơn vị					
	Phân loại đơn vị		9	5		7	5			11	1			11	1				11	1					11	1		
V	Sự nghiệp Khoa học và Công nghệ	3 đơn vị			3 đơn vị			2 đơn vị					2 đơn vị					2 đơn vị					2 đơn vị					
	Phân loại đơn vị		3			3				2					2						2						2	

Ghi chú: chi tiết theo từng lĩnh vực có các phụ biểu 1,1; 1,2; 1,3; 1,4; 1,5 kèm theo

Phụ biểu 1.1:

PHÂN LOẠI TỰ CHỦ CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP KINH TẾ VÀ SỰ NGHIỆP KHÁC GIAI ĐOẠN 2019-2021, MỤC TIÊU ĐẾN 2025

(Kèm theo Kế hoạch số : 91 /KH-UBND ngày 09/4/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Số TT	Tên đơn vị	Năm 2017			Năm 2018			Năm 2019					Năm 2020					Năm 2021					Năm 2025				
		Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Cổ phần hóa	Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Cổ phần hóa	Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Cổ phần hóa	Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Cổ phần hóa	Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ
	Tổng số:	59 đơn vị			59 đơn vị			54 đơn vị					54 đơn vị					54 đơn vị					54 đơn vị				
	Phân loại đơn vị	3	44	12	3	44	12	1	-	3	40	10	1	-	7	36	10	1	-	13	30	10	2	-	17	27	8
	<i>Lĩnh vực xây dựng</i>	1	1	-	1	1	-	-	-	1	1	-	-	-	2	-	-	-	-	2	-	-	-	-	2	-	-
1	Trung tâm kiểm định chất lượng xây dựng	1			1					1					1					1					1		
2	Viện quy hoạch kiến trúc		1			1					1				1					1					1		
	<i>Lĩnh vực giao thông vận tải</i>	1	-	-	1	-	-	1	-	-	-	-	1	-	-	-	-	1	-	-	-	-	1	-	-	-	-
1	Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới	1			1			1					1					1					1				
	<i>Lĩnh vực thông tin, phát thanh truyền hình</i>	1	2	1	1	2	1	-	-	1	3	-	-	-	1	3	-	-	-	2	2	-	-	-	2	2	-
1	Trung tâm dịch vụ kỹ thuật phát thanh truyền hình	1			1					1					1					1					1		
2	Trung tâm công nghệ thông tin và truyền thông		1			1					1				1					1					1		
3	Trung tâm triển lãm, hội chợ quảng cáo			1			1				1				1					1					1		
4	Đài phát thanh và truyền hình tỉnh		1			1					1				1					1					1		
	<i>Lĩnh vực LĐTB&XH</i>	-	1	8	-	1	8	-	-	-	2	7	-	-	-	2	7	-	-	-	2	7	-	-	-	4	5
1	Cơ sở Cai nghiện ma túy số 1		1			1					1				1					1					1		
2	Cơ sở cai nghiện ma túy số II			1			1					1				1					1					1	
3	TT chăm sóc sức khỏe người có công			1			1					1					1					1					1
4	TT điều dưỡng người có công			1			1					1					1					1					1
5	TT Bảo trợ XH			1			1					1					1					1					1

Handwritten signature

Số TT	Tên đơn vị	Năm 2017			Năm 2018			Năm 2019					Năm 2020					Năm 2021					Năm 2025				
		Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Cổ phần hóa	Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Cổ phần hóa	Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Cổ phần hóa	Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Cổ phần hóa	Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ
6	Trung tâm chăm sóc, phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí khu vực MN			1		1					1					1											1
7	TTCC dịch vụ công tác XH			1		1					1					1											1
8	TT DV việc làm			1		1				1						1											1
9	TT Bảo trợ XH số 2			1		1					1					1											1
	<i>Lĩnh vực tài nguyên và môi trường</i>	-	6	-	-	6	-	-	-	1	5	-	-	-	2	4	-	-	-	5	1	-	-	-	5	1	-
1	Trung tâm quan trắc và BVMT		1			1					1				1					1							1
2	Trung tâm công nghệ thông tin		1			1					1				1				1								1
3	Đoàn mô địa chất		1			1					1				1				1								1
4	Đoàn đo đạc bản đồ và quy hoạch		1			1				1					1				1								1
5	Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất		1			1					1				1				1								1
6	Trung tâm phát triển quỹ đất		1			1					1				1				1								1
	<i>Lĩnh vực tư pháp</i>	-	4	1	-	4	1	-	-	-	4	1	-	-	4	1	-	-	-	4	1	-	-	-	4	-	1
1	Trung tâm bản đồ địa chính		1			1					1				1				1								1
2	Phòng công chứng số 1		1			1					1				1				1								1
3	Phòng công chứng NN số 2		1			1					1				1				1								1
4	Phòng công chứng NN số 3		1			1					1				1				1								1
5	Trung tâm trợ giúp pháp lý			1		1					1				1				1								1
	<i>Lĩnh vực nông nghiệp</i>	-	28	1	-	28	1	-	-	-	23	1	-	-	1	22	1	-	-	3	20	1	-	-	4	19	1
1	Ban quản lý trung tâm phát triển nông thôn		1			1																					
2	Trung tâm NC UD KHKT chăn nuôi		1			1																					
3	Trung tâm NC và sản xuất giống thủy sản		1			1																					
4	Đoàn quy hoạch nông lâm nghiệp		1			1																					
5	TT NC UD KHKT giống cây trồng nông nghiệp		1			1																					

Số TT	Tên đơn vị	Năm 2017			Năm 2018			Năm 2019					Năm 2020					Năm 2021					Năm 2025				
		Tự đảm bảo một phần chi TX	NSN N đảm bảo toàn bộ	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Cổ phần hóa	Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Cổ phần hóa	Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Cổ phần hóa	Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Cổ phần hóa	Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	
6	Trung tâm NCUD KHKT lâm nghiệp	1			1																						
7	Ban QLý RPH Lang Chánh	1			1									1												1	
8	Ban QLý RPH Sông Đản	1			1									1												1	
9	Ban QLý RPH Sim	1			1									1												1	
10	Ban QLý RPH Sông Chàng	1			1									1												1	
11	Ban QLý RPH Tinh Gia	1			1									1												1	
12	Ban QLý RPH Sông Lô	1			1									1												1	
13	Ban QLý RPH Như Xuân	1			1									1												1	
14	Ban QLý RPH Mường Lát	1			1									1												1	
15	Ban QLý RPH Thạch Thành	1			1									1												1	
16	Ban QLý RPH Na Mèo	1			1									1												1	
17	Ban QLý RPH Thanh Kỳ	1			1									1												1	
18	Ban QLý RPH Đầu nguồn Sông Chu	1			1									1												1	
19	BQL khu bảo tồn T. nhiên Pù Luông	1			1									1												1	
20	BQL khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu	1			1									1												1	
21	BQL khu bán tồn T. nhiên Xuân Liên	1			1									1												1	
22	Vườn Quốc gia Bến En	1			1									1												1	
23	Trung tâm nước sinh hoạt và VSMTNT	1			1									1						1						1	
24	Đoàn quy hoạch thiết kế thủy lợi	1			1									1						1						1	
25	Trung tâm KN CNCL nông lâm thủy sản	1			1									1						1						1	
26	Ban quản lý cảng cá Lạch Hới	1			1									1						1						1	
27	Ban quản lý cảng cá Lạch Bạng	1			1									1						1						1	
28	Ban quản lý cảng cá Hòa Lộc	1			1									1						1						1	
29	Trung tâm khuyến nông		1			1									1						1					1	
	Lĩnh vực công thương	-	1	1	-	1	1	-	-	-	-	1	1	-	-	-	1	1	-	-	-	-	1	1	-	1	

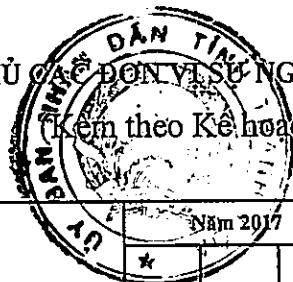
Số TT	Tên đơn vị	Năm 2017					Năm 2018					Năm 2019					Năm 2020					Năm 2021					Năm 2025						
		Tự đảm bảo chi TX	NSN đảm bảo toàn bộ	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Cổ phần hóa	Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Cổ phần hóa	Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Cổ phần hóa	Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Cổ phần hóa	Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Cổ phần hóa	Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ		
6	Trung tâm NCUD KHKT lâm nghiệp	1				1																											
7	Ban QLý RPH Lang Chánh	1				1				1															1							1	
8	Ban QLý RPH Sông Đản	1				1				1															1							1	
9	Ban QLý RPH Sim	1				1				1															1							1	
10	Ban QLý RPH Sông Chàng	1				1				1															1							1	
11	Ban QLý RPH Tĩnh Gia	1				1				1															1							1	
12	Ban QLý RPH Sông Lô	1				1				1															1							1	
13	Ban QLý RPH Như Xuân	1				1				1															1							1	
14	Ban QLý RPH Mường Lát	1				1				1															1							1	
15	Ban QLý RPH Thạch Thành	1				1				1															1							1	
16	Ban QLý RPH Na Mèo	1				1				1															1							1	
17	Ban QLý RPH Thanh Kỳ	1				1				1															1							1	
18	Ban QLý RPH Đầu nguồn Sông Chu	1				1				1															1							1	
19	BQL khu bảo tồn T. nhiên Pù Lương	1				1				1															1							1	
20	BQL khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu	1				1				1															1							1	
21	BQL khu bảo tồn T. nhiên Xuân Liên	1				1				1															1							1	
22	Vườn Quốc gia Bến En	1				1				1															1							1	
23	Trung tâm nước sinh hoạt và VSMTNT	1				1				1							1								1							1	
24	Đoàn quy hoạch thiết kế thủy lợi	1				1				1															1							1	
25	Trung tâm KN CNCL nông lâm thủy sản	1				1				1															1							1	
26	Ban quản lý cảng cá Lạch Hới	1				1				1															1							1	
27	Ban quản lý cảng cá Lạch Bạng	1				1				1															1							1	
28	Ban quản lý cảng cá Hòa Lộc	1				1				1															1							1	
29	Trung tâm khuyến nông			1		1											1								1							1	
	Lĩnh vực công thương	-	1	1	-	1	1	-	-	-	1	1	-	-	-	1	1	-	-	-	1	1	-	-	-	-	-	-	-	-	1	1	

Số TT	Tên đơn vị	Năm 2017			Năm 2018			Năm 2019					Năm 2020					Năm 2021					Năm 2025					
		Tỷ đảm bảo chi TX	Tỷ đảm bảo một phần chi TX	NSN N đảm bảo toàn bộ	Tỷ đảm bảo chi TX	Tỷ đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Cổ phần hóa	Tỷ đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tỷ đảm bảo chi TX	Tỷ đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Cổ phần hóa	Tỷ đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tỷ đảm bảo chi TX	Tỷ đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Cổ phần hóa	Tỷ đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tỷ đảm bảo chi TX	Tỷ đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Cổ phần hóa	Tỷ đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tỷ đảm bảo chi TX	Tỷ đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	
1	Trung tâm khuyến công và tiết kiệm năng lượng			1			i					i					i						i					i
2	Trung tâm xúc tiến đầu tư thương mại du lịch		1			1					1					1											1	
	<i>Sự nghiệp kinh tế khác</i>	-	1	-	-	1	-	-	-	-	1	-	-	-	1	-	-	-	-	-	1	-	-	1	-	-	-	-
1	Nhà khách UBND tỉnh		1			1					1				1								1					

Handwritten signature

Phụ biểu 1.2:

PHÂN LOẠI TỰ CHỦ CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ CẤP TỈNH GIAI ĐOẠN 2019-2021, MỤC TIÊU ĐẾN 2025



Kèm theo Kế hoạch số : 91 /KH-UBND ngày 09/4/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Số TT	Tên đơn vị	Năm 2017			Năm 2018			Năm 2019				Năm 2020				Năm 2021				Năm 2025			
		Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ
	Tổng số:	120 đơn vị			119 đơn vị			114 đơn vị				114 đơn vị				114 đơn vị				114 đơn vị			
	<i>Phân loại đơn vị</i>	1	102	17	1	107	11	1	-	106	7	1	-	106	7	1	1	105	7	1	5	106	2
1	Lĩnh vực đào tạo và đào tạo nghề	1	16		1	15		1		15		1		15		1	1	14		1	5	10	
1	Trường Trung cấp nghề Giao thông Vận tải	1			1			1				1				1				1			
2	Trường CĐN Công nghiệp		1			1				1				1				1			1		
3	Trường TCN Phát thanh truyền hình		1			1				1				1				1					1
4	Trường TCN Xây dựng		1			1				1				1				1					1
5	Trường TCN Kỹ nghệ		1			1				1				1				1					1
6	Trường TCN Thương mại và Du lịch		1			1				1				1				1					1
7	Trường CĐN Nghi Sơn		1			1				1				1				1			1		
8	Trường TCN Miền núi		1			1				1				1				1					1
9	Trường TCN Thanh thiếu niên ĐBK		1			1				1				1				1					1
10	Đại học Hồng Đức		1			1				1				1			1				1		
11	Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch		1			1				1				1			1				1		
12	Trường Cao đẳng Y tế		1			1				1				1			1				1		
13	Trường Cao đẳng Nông lâm		1			1				1				1			1				1		
14	Trường CĐN Nông nghiệp và PTNT		1			1				1				1			1				1		
15	Trường Cao đẳng Thể dục thể thao		1		giải thể			giải thể															
16	Trung tâm Giáo dục Quốc tế		1			1				1				1			1				1		
17	Trung tâm Bồi dưỡng CB thanh thiếu nhi		1			1				1				1			1				1		
11	Lĩnh vực giáo dục		86	17	-	92	11			91	7	-	-	91	7	-	-	91	7	-	-	96	2

Handwritten signature

Số TT	Tên đơn vị	Năm 2017			Năm 2018			Năm 2019			Năm 2020			Năm 2021				Năm 2025						
		Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ					
1	Trường THPT Chuyên Lam Sơn		1			1				1				1				1						1
2	Trung tâm Giáo dục KTTH		1			1				1				1				1						1
3	Trung tâm Giáo dục thường xuyên		1			1				1				1				1						1
4	Trường THPT Hàm Rồng		1			1				1				1				1						1
5	Trường THPT Đào Duy Từ		1			1				1				1				1						1
6	Trường THPT Nguyễn Trãi		1			1				1				1				1						1
7	Trường THPT Tô Hiến Thành		1			1				1				1				1						1
8	Trường THPT Sầm Sơn		1			1				1				1				1						1
9	Trường THPT Nguyễn Thị Lợi		1			1				1				1				1						1
10	Trường THPT Bím Sơn		1			1				1				1				1						1
11	Trường THPT Lê Hồng Phong		1			1				1				1				1						1
12	Trường THPT Hà Trung		1			1				1				1				1						1
13	Trường THPT Hoàng Lê Kha		1			1				1				1				1						1
14	Trường THPT Nguyễn Hoàng		1			1				1				1				1						1
15	Trường THPT Ba Đình		1			1				1				1				1						1
16	Trường THPT Mai Anh Tuấn		1			1				1				1				1						1
17	Trường THPT Trần Phú		1			1				1				1				1						1
18	Trường THPT Nga Sơn		1			1				1				1				1						1
19	Trường THPT Hậu Lộc I		1			1				1				1				1						1
20	Trường THPT Hậu Lộc II		1			1				1				1				1						1
21	Trường THPT Hậu Lộc III		1			1				1				1				1						1
22	Trường THPT Hậu Lộc IV		1			1				1				1				1						1
23	Trường THPT Đinh Chương Dương		1			1				giải thể, sáp nhập với trường khác				giải thể, sáp nhập với trường khác				giải thể, sáp nhập với trường khác						giải thể, sáp nhập với trường khác
24	Trường THPT Lương Đắc Bằng		1			1				1				1				1						1
25	Trường THPT Hoàng Hoá II		1			1				1				1				1						1
26	Trường THPT Hoàng Hoá III		1			1				1				1				1						1
27	Trường THPT Hoàng Hoá IV		1			1				1				1				1						1
28	Trường THPT Lưu Đình Chất		1			1				1				1				1						1

Số TT	Tên đơn vị	Năm 2017				Năm 2018				Năm 2019				Năm 2020				Năm 2021				Năm 2025			
		Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ		
29	Trường THPT Lê Viết Tạo			1		1					1				1									1	
30	Trường THPT Quảng Xương I			1		1					1				1									1	
31	Trường THPT Quảng Xương II			1		1					1				1									1	
32	Trường THPT Chu Văn An			1		1					1				1									1	
33	Trường THPT Quảng Xương IV			1		1					1				1									1	
34	Trường THPT Đặng Thai Mai			1		1					1				1									1	
35	Trường THPT Nguyễn Xuân Nguyên			1		1					1				1									1	
36	Trường THPT Tĩnh Gia I			1		1					1				1									1	
37	Trường THPT Tĩnh Gia II			1		1					1				1									1	
38	Trường THPT Tĩnh Gia III			1		1					1				1									1	
39	Trường THPT Tĩnh Gia IV			1		1					1				1									1	
40	Trường THPT Tĩnh Gia V			1		1				giải thể, sáp nhập với trường khác				giải thể, sáp nhập với trường khác				giải thể, sáp nhập với trường khác					giải thể, sáp nhập với trường khác		
41	Trường THCS và THPT Nghi Sơn			1		1					1				1									1	
42	Trường THPT Nông Cống I			1		1					1				1									1	
43	Trường THPT Nông Cống II			1		1					1				1									1	
44	Trường THPT Nông Cống III			1		1					1				1									1	
45	Trường THPT Nông Cống IV			1		1					1				1									1	
46	Trường THPT Triệu Thị Trinh			1		1					1				1									1	
47	Trường THPT Đông Sơn I			1		1					1				1									1	
48	Trường THPT Đông Sơn II			1		1					1				1									1	
49	Trường THPT Nguyễn Mộng Tuân			1		1					1				1									1	
50	Trường THPT Triệu Sơn I			1		1					1				1									1	
51	Trường THPT Triệu Sơn II			1		1					1				1									1	
52	Trường THPT Triệu Sơn III			1		1					1				1									1	
53	Trường THPT Triệu Sơn IV			1		1					1				1									1	
54	Trường THPT Triệu Sơn V			1		1					1				1									1	
55	Trường THPT Triệu Sơn VI			1		1				giải thể, sáp nhập với trường khác				giải thể, sáp nhập với trường khác				giải thể, sáp nhập với trường khác					giải thể, sáp nhập với trường khác		

Handwritten signature

Số TT	Tên đơn vị	Năm 2017			Năm 2018			Năm 2019				Năm 2020				Năm 2021				Năm 2025			
		Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ
56	Trường THPT Lê Lợi		1			1				1				1				1					1
57	Trường THPT Lê Hoàn		1			1				1				1				1					1
58	Trường THPT Lam Kinh		1			1				1				1				1					1
59	Trường THPT Thọ Xuân IV		1			1				1				1				1					1
60	Trường THPT Thọ Xuân V		1			1				1				1				1					1
61	Trường THPT Lê Văn Linh		1			1	giải thể, sáp nhập với trường khác				giải thể, sáp nhập với trường khác				giải thể, sáp nhập với trường khác				giải thể, sáp nhập với trường khác				
62	Trường THPT Thiệu Hoá		1			1				1				1				1					1
63	Trường THPT Lê Văn Hữu		1			1				1				1				1					1
64	Trường THPT Nguyễn Quán Nho		1			1				1				1				1					1
65	Trường THPT Dương Đình Nghệ		1			1				1				1				1					1
66	Trường THPT Yên Định I		1			1				1				1				1					1
67	Trường THPT Yên Định II		1			1				1				1				1					1
68	Trường THPT Yên Định III		1			1				1				1				1					1
69	Trường THPT Thống Nhất		1			1				1				1				1					1
70	Trường THPT Trần Ân Chiêm		1			1				1				1				1					1
71	Trường THPT Tống Duy Tân		1			1				1				1				1					1
72	Trường THPT Vĩnh Lộc		1			1				1				1				1					1
73	Trường THPT Trần Khát Chân		1			1	giải thể, sáp nhập với trường khác				giải thể, sáp nhập với trường khác				giải thể, sáp nhập với trường khác				giải thể, sáp nhập với trường khác				
74	Trường THPT Thạch Thành I		1			1				1				1				1					1
75	Trường THPT Thạch Thành II		1			1				1				1				1					1
76	Trường THPT Cẩm Thủy I		1			1				1				1				1					1
77	Trường THPT Cẩm Thủy II		1			1				1				1				1					1
78	Trường THPT Ngọc Lặc		1			1				1				1				1					1
79	Trường THPT Lê Lai		1			1				1				1				1					1
80	Trường THPT Như Thanh		1			1				1				1				1					1
81	Trường THPT Dân tộc nội trú (DTNT)			1													1						1
82	Trường THPT DTNT Ngọc Lặc			1													1						1

Số TT	Tên đơn vị	Năm 2017			Năm 2018			Năm 2019				Năm 2020				Năm 2021				Năm 2025			
		Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ
83	Trường THPT Thạch Thành III			1			1				1				1				1				1
84	Trường THPT Thạch Thành IV			1			1				1				1				1				1
85	Trường THPT Cẩm Thủy III			1			1				1				1				1				1
86	Trường THPT Lang Chánh			1			1				1				1				1				1
87	Trường THPT Bá Thước			1			1				1				1				1				1
88	Trường THPT Bá Thước III			1			1				1				1				1				1
89	Trường THPT Hà Văn Mao			1			1				1				1				1				1
90	Trường PTTH Bắc Sơn			1			1				1				1				1				1
91	Trường THPT Quan Hoá			1			1				1				1				1				1
92	Trường THCS và THPT Quán hoá			1			1				1				1				1				1
93	Trường THPT Quan Sơn			1			1				1				1				1				1
94	Trường THPT Quan Sơn II			1			1				1				1				1				1
95	Trường THPT Mường Lát			1			1				1				1				1				1
96	Trường THPT Cẩm Bá Thước			1			1				1				1				1				1
97	Trường THPT Thường Xuân II			1			1				1				1				1				1
98	Trường THPT Thường Xuân III			1			1				1				1				1				1
99	Trường THPT Như Thanh II			1			1				1				1				1				1
100	Trường THCS & THPT Như Thanh			1			1				1				1				1				1
101	Trường THPT Như Xuân II			1			1				1				1				1				1
102	Trường THPT Như Xuân			1			1				1				1				1				1
103	Trường THCS & THPT Như Xuân			1			1				1				1				1				1

Phụ biểu 1.3:

PHÂN LOẠI TỰ CHƯ CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP Y TẾ CẤP TỈNH GIAI ĐOẠN 2019-2021, MỤC TIÊU ĐẾN 2025

(Kèm theo Kế hoạch số : 91

/KH-UBND ngày 09/4/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

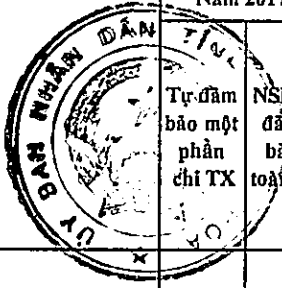


Số TT	Tên đơn vị	Năm 2017		Năm 2018			Năm 2019				Năm 2020				Năm 2021				Năm 2025						
		Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ			
	Tổng số:	73 đơn vị		73 đơn vị			69 đơn vị				69 đơn vị				69 đơn vị				69 đơn vị						
	Phân loại đơn vị	43	30		43	30			66	3			3	63	3			9	57	3			27	39	3
a	Bệnh viện	38			38				38				3	35				9	29				27	11	0
1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	1			1				1				1					1				1			
2	Bệnh viện Nhi	1			1				1				1					1				1			
3	Bệnh viện Phụ sản	1			1				1				1					1				1			
4	Bệnh viện Y dược cổ truyền	1			1				1				1					1				1			
5	Bệnh viện Mắt	1			1				1				1					1				1			
6	Bệnh viện Da liễu	1			1				1				1					1				1			1
7	Bệnh viện Nội tiết	1			1				1				1					1				1			
8	Bệnh viện Phổi	1			1				1				1					1				1			1
9	Bệnh viện Tâm thần	1			1				1				1					1				1			1
10	Bệnh viện Phục hồi chức năng	1			1				1				1					1				1			
11	Bệnh viện Đa khoa (BVĐK) khu vực Ngọc Lặc	1			1				1				1					1				1			
12	BVĐK khu vực Tĩnh Gia	1			1				1				1					1				1			
13	Bệnh viện Ung bướu	1			1				1				1					1				1			1
14	BVĐK TP Thanh hoá	1			1				1				1					1				1			1
15	BVĐK TP Sầm Sơn	1			1				1				1					1				1			1
16	BVĐK thị xã Bỉm Sơn	1			1				1				1					1				1			1
17	BVĐK huyện Nga Sơn	1			1				1				1					1				1			1
18	BVĐK huyện Hà Trung	1			1				1				1					1				1			1
19	BVĐK huyện Hậu Lộc	1			1				1				1					1				1			1
20	BVĐK huyện Hoằng Hoá	1			1				1				1					1				1			1
21	BVĐK huyện Quảng Xương	1			1				1				1					1				1			1

Handwritten signature or mark.

Số TT	Tên đơn vị	Năm 2017		Năm 2018			Năm 2019				Năm 2020				Năm 2021				Năm 2025				
		Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	
22	BVĐK huyện Nông Cống	1			1			1					1				1				1		
23	BVĐK huyện Đông Sơn	1			1			1					1				1				1		
24	BVĐK huyện Triệu Sơn	1			1			1					1				1				1		
25	BVĐK huyện Thọ Xuân	1			1			1					1				1				1		
26	BVĐK huyện Thiệu Hoá	1			1			1					1				1				1		
27	BVĐK huyện Yên Định	1			1			1					1				1				1		
28	BVĐK huyện Vĩnh Lộc	1			1			1					1				1				1		
29	BVĐK huyện Thạch Thành	1			1			1					1				1				1		
30	BVĐK huyện Cẩm Thủy	1			1			1					1				1				1		
31	BVĐK huyện Như Thanh	1			1			1					1				1				1		
32	BVĐK huyện Như Xuân	1			1			1					1				1				1		
33	BVĐK huyện Thường Xuân	1			1			1					1				1				1		
34	BVĐK huyện Lang Chánh	1			1			1					1				1				1		
35	BVĐK huyện Bá Thước	1			1			1					1				1				1		
36	BVĐK huyện Quan Hoá	1			1			1					1				1				1		
37	BVĐK huyện Quan Sơn	1			1			1					1				1				1		
38	BVĐK huyện Mường Lát	1			1			1					1				1				1		
b	Dự phòng	5	30		5	30		28	3				28	3			28	3			28	3	
1	Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh	1			1																		
2	Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản	1			1																		
3	Trung tâm Truyền thông giao tiếp sức khỏe		1			1							1					1					1
4	Trung tâm Phòng chống HIV/AIDS		1			1																	
5	Trung tâm Phòng chống sốt rét KST và CT		1			1																	
6	Trung tâm Kiểm nghiệm	1			1			1					1					1					1
7	Trung tâm Giám định Y khoa	1			1			1					1					1					1
8	Trung tâm Pháp y	1			1			1					1					1					1
9	Trung tâm Y tế (TTYT) 1 nam 1 nữ 1 nam 1 nữ		1			1							1					1					1
10	TTYT Thành phố Sầm Sơn		1			1							1					1					1
11	TTYT thị xã Bùn Sơn		1			1							1					1					1

Số TT	Tên đơn vị	Năm 2017		Năm 2018			Năm 2019				Năm 2020				Năm 2021				Năm 2025					
		Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ		
12	TTYT huyện Nga Sơn		1		1			1					1					1						1
13	TTYT huyện Hà Trung		1		1			1					1					1						1
14	TTYT huyện Hậu Lộc		1		1			1					1					1						1
15	TTYT huyện Hoằng Hóa		1		1			1					1					1						1
16	TTYT huyện Quảng Xương		1		1			1					1					1						1
17	TTYT huyện Tĩnh Gia		1		1			1					1					1						1
18	TTYT huyện Nông Cống		1		1			1					1					1						1
19	TTYT huyện Đông Sơn		1		1			1					1					1						1
20	TTYT huyện Triệu Sơn		1		1			1					1					1						1
21	TTYT huyện Thọ Xuân		1		1			1					1					1						1
22	TTYT huyện Thiệu Hóa		1		1			1					1					1						1
23	TTYT huyện Yên Định		1		1			1					1					1						1
24	TTYT huyện Vĩnh Lộc		1		1			1					1					1						1
25	TTYT huyện Thạch Thành		1		1			1					1					1						1
26	TTYT huyện Cẩm Thủy		1		1			1					1					1						1
27	TTYT huyện Ngọc Lặc		1		1			1					1					1						1
28	TTYT huyện Như Thanh		1		1			1					1					1						1
29	TTYT huyện Như Xuân		1		1			1					1					1						1
30	TTYT huyện Thường Xuân		1		1			1					1					1						1
31	TTYT huyện Lang Chánh		1		1			1					1					1						1
32	TTYT huyện Bá Thước		1		1			1					1					1						1
33	TTYT huyện Quan Hóa		1		1			1					1					1						1
34	TTYT huyện Mường Lát		1		1			1					1					1						1
35	TTYT huyện Quan Sơn		1		1			1					1					1						1

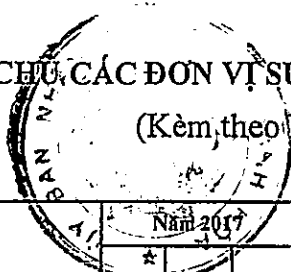


Handwritten signature

Phụ lục 1.4:

KẾ HOẠCH TỰ CHỮ CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH CẤP TỈNH GIAI ĐOẠN 2019-2021, MỤC TIÊU ĐẾN 2025

(Kèm theo Kế hoạch số : 91 /KH-UBND ngày 09/4/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa)



Số TT	Tên đơn vị	Năm 2017			Năm 2018			Năm 2019					Năm 2020					Năm 2021					Năm 2025							
		Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Cổ phần hóa	Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Cổ phần hóa	Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Cổ phần hóa	Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Cổ phần hóa	Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ			
	Tổng số:	14 đơn vị			12 đơn vị			12 đơn vị					12 đơn vị					12 đơn vị					12 đơn vị							
	Phân loại đơn vị		9	5		7	5			11	1				11	1				11	1				11	1			11	1
1	Báo Văn hóa và Đời sống	1			1					1					1					1					1			1		
2	Thư viện tỉnh	1			1					1					1					1					1			1		
3	Trung tâm Bảo tồn di sản Thành Nhà Hồ	1			1					1					1					1					1			1		
4	Đoàn Nghệ thuật Tuổi	1																												
5	Đoàn Nghệ thuật Chèo	1			1					1					1					1							1			
6	Đoàn Nghệ thuật Cải lương	1																												
7	Nhà hát Ca Múa Kịch Lam Sơn	1			1					1					1					1							1			
8	Trung tâm PHP & chiếu bóng	1			1					1					1					1							1			
9	Trung tâm Văn hóa tỉnh			1			1			1					1					1							1			
10	Trung tâm Bảo tồn di sản văn hóa			1			1			1					1					1							1			
11	Ban nghiên cứu và biên soạn lịch sử			1			1				1					1						1							1	
12	Ban quản lý DTLS Lam Kinh	1			1					1					1					1							1			
13	Trung tâm Huấn luyện và thi đấu TDTT			1			1			1					1					1							1			
14	Bảo tàng tỉnh			1			1			1					1					1							1			

[Handwritten signature]

Phụ lục 1.5:

PHÂN LOẠI TỰ CHỨC CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP KHOA HỌC CẤP TỈNH GIAI ĐOẠN 2019-2021, MỤC TIÊU ĐẾN 2025

(Kèm theo Kế hoạch số : 91 /KH-UBND ngày 09/4/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa)



Số TT	Tên đơn vị	Năm 2017			Năm 2018			Năm 2019					Năm 2020					Năm 2021					Năm 2025					
		Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Cổ phần hóa	Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Cổ phần hóa	Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Cổ phần hóa	Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	Cổ phần hóa	Tự đảm bảo chi TX và chi đầu tư	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo một phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ	
	Tổng số:	3 đơn vị			3 đơn vị			2 đơn vị					2 đơn vị					2 đơn vị					2 đơn vị					
	Phân loại đơn vị		3			3					2					2						2						2
1	Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng và phát triển Công nghệ sinh học		1			1	Sát nhập vào Viện Nông nghiệp TH																					
2	Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng		1			1				1					1						1						1	
3	Trung tâm Thông tin ứng dụng chuyển giao KHCN		1			1				1					1						1						1	

Phụ lục 2:

Tổng hợp ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí chi thường xuyên cho các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2019-2021

(Kèm theo Kế hoạch số : 91 /KH-UBND ngày 09/4/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Tên đơn vị	2017	2018			2019			2020 (dự kiến)			2021 (dự kiến)		
			NSNN	Giảm so với năm 2017	Tỷ lệ giảm so 2017 (%)	NSNN	Giảm so với năm 2017	Tỷ lệ giảm so 2017 (%)	NSNN	Giảm so với năm 2017	Tỷ lệ giảm so 2017 (%)	NSNN	Giảm so với năm 2017	Tỷ lệ giảm so 2017 (%)
	Tổng số:	1.811.500	1.759.460	- 52.040	- 3	1.683.177	- 128.323	- 7	1.545.001	- 266.499	- 15	1.416.981	- 394.519	- 22
1	Sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác	160.534	158.768	- 1.766	- 1,10	152.670	- 7.864	- 5	140.810	- 19.724	- 12	129.461	- 31.074	- 19
2	Sự nghiệp giáo dục đào tạo- nghề	1.026.260	1.031.846	5.586	0,54	980.071	- 46.189	- 5	929.945	- 96.315	- 9	864.178	- 162.082	- 16
3	Sự nghiệp y tế	573.880	518.360	- 55.520	- 9,67	503.128	- 70.752	- 12	427.855	- 146.025	- 25	379.010	- 194.870	- 34
4	Sự nghiệp văn hóa thể thao và du lịch	48.365	48.025	- 340	- 0,70	44.847	- 3.518	- 7	43.931	- 4.434	- 9	43.295	- 5.070	- 10
5	Sự nghiệp khoa học và công nghệ	2.461	2.461	-	-	2.461	-	-	2.461	-	-	1.039	- 1.422	- 58

Handwritten signature